

Số: 02/2023/QĐST-KDTM

Bắc Giang, ngày 13 tháng 2 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02/02/2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 21/2022/TLST-KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 02/02/2023 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Trụ sở: Tháp BIDV, 194 đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Trung K – Giám đốc Ngân hàng TMCP

Đ - Chi nhánh Bắc Giang

(Theo quyết định số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021 của Ngân hàng TMCP Đ về việc ủy quyền tham gia tố tụng)

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lâm Duy K – Giám đốc Phòng giao dịch L – BIDV chi nhánh Bắc Giang

Địa chỉ: Số 345+347, đường L, phường H, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(Theo quyết định ủy quyền số 468/QĐ-QLRR ngày 12/10/2022 Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Bắc Giang)

* Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà: Nguyễn Thị T2, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- Ông: Phạm Văn T3, sinh năm 1984

- Bà: Lương Thị K, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tổng số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng:

Tính đến hết ngày 01/02/2023, ông Phạm Văn T còn nợ Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là Ngân hàng) tổng số tiền là 2.407.577.945đồng (trong đó: Nợ gốc là 2.235.000.000đồng; nợ lãi là 120.750.136 đồng, phí phạt chậm thanh toán là 51.827.809 đồng) cụ thể theo từng hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 03/2021/10901576/HĐTD ngày 17/8/2021: Nợ gốc là 1.335.000.000đồng, nợ lãi 71.007.671đồng, phí phạt chậm thanh toán là 36.003.836đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 05/2021/10901576/HĐTD ngày 26/11/2021: Nợ gốc là 600.000.000đồng, nợ lãi 31.717.808đồng, phí phạt chậm thanh toán là 13.134.247đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2022/10901576/HĐTD ngày 17/3/2022: Nợ gốc là 300.000.000đồng, nợ lãi 18.024.657đồng, phí phạt chậm thanh toán là 2.689.726đồng.

2.2. Về nghĩa vụ trả nợ:

- Ngày 31/3/2023 ông Phạm Văn T có nghĩa vụ trả Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 01/02/2023 là 2.407.577.945đồng (trong đó: Nợ gốc là 2.235.000.000đồng; nợ lãi là 120.750.136đồng, phí phạt chậm thanh toán 51.827.809đồng) và toàn bộ khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02/02/2023 đến ngày 31/3/2023 theo các Hợp đồng tín dụng số 03/2021/10901576/HĐTD ngày 17/8/2021; Hợp đồng tín dụng số 05/2021/10901576/HĐTD ngày 26/11/2021; Hợp đồng tín dụng số 01/2022/10901576/HĐTD ngày 17/3/2022.

- Kể từ ngày 02/02/2023, ông Phạm Văn T còn phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi trên số tiền nợ chưa thanh toán cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng số 03/2021/10901576/HĐTD ngày 17/8/2021; Hợp đồng tín dụng số 05/2021/10901576/HĐTD ngày

26/11/2021; Hợp đồng tín dụng số 01/2022/10901576/HĐTD ngày 17/3/2022. Trong trường hợp Hợp đồng vay đã ký có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất áp dụng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Phạm Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ như nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp bao gồm:

+ Quyền sử dụng 438,8m² đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 43 tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành số CM 697480, số vào sổ cấp GCN: CS 03445 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 28/03/2018, tên người sử dụng đất ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2018/10901576/HĐBĐ ngày 04/04/2018, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số 01.1/2018/10901576/HĐBĐ ngày 18/04/2019 giữa BIDV Bắc Giang - Phòng Giao dịch Lê Lợi để thu hồi nợ.

+ Quyền sử dụng 557.9m² đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 284 tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành số CP 639181, số vào sổ cấp GCN: CS 03476 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 15/10/2018, tên người sử dụng đất ông Phạm Văn T3 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2019/13084048/HĐBĐ ngày 04/10/2019 giữa BIDV Bắc Giang - Phòng Giao dịch Lê Lợi để thu hồi nợ.

2.4. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn T phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại số tiền này khi ông Phạm Văn T thi hành án.

2.5. Về án phí:

- Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam số tiền 39.158.000 đồng (Ba mươi chín triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001843 ngày 07/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Phạm Văn T phải chịu 40.075.779 đồng (Bốn mươi triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP Bắc Giang;
- THA TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Mạnh Thắng